

Bản án số: 96/2022/HNGĐ-ST.

Ngày 26 tháng 8 năm 2022.

V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Thanh.

2. Ông Cao Trung Kiên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Đức Tài - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Quỳnh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2022, tại phòng xét xử tầng 2 trụ sở Chi cục thuế khu vực Nam Ninh, Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2022/TLST-HNGĐ ngày 27/4/2022 về việc xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/8/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đặng Thị N, sinh năm 1983.

Bị đơn: Anh Phạm Hải Đ, sinh năm 1980.

Cùng trú tại: Xóm Đ, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Chị N vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt). Anh Đ vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn xin ly hôn và Bản tự khai, nguyên đơn là chị Đặng Thị N trình bày:

Chị đăng ký kết hôn với anh Phạm Hải Đ vào ngày 07/4/2006 tại UBND xã V, huyện V, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, do tính cách, quan điểm sống khác nhau, anh Đ không tu chí làm ăn, không chăm lo đến gia đình và còn sa vào con đường cờ bạc. Hai bên gia đình đã hòa giải nhưng không thành, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, từ đầu năm 2019 vợ chồng sống ly thân. Nay chị xác định

tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể đoàn tụ được với nhau, chị xin được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung gồm: Phạm Đăng Bảo N, sinh ngày 17/4/2006; Phạm Đăng Bảo T, sinh ngày 10/8/2011; Phạm Đăng Bảo C, sinh ngày 30/3/2016 và Phạm Đăng K, sinh ngày 10/6/2018. Hiện nay các con đều ở với chị. Chị N nhận nuôi cả 04 con chung và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản, công nợ: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Trục Ninh đã nhiều lần gửi Giấy triệu tập, sau đó đã ra Quyết định thông báo tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú đối với anh Phạm Hải Đ theo đề nghị của chị Đặng Thị N với nội dung thông báo về việc khởi kiện xin ly hôn của chị N trên 03 số báo liên tiếp tại Báo Công Lý, phát sóng trên hệ thống phát thanh 03 lần trong 03 ngày liên tiếp trên Đài tiếng nói Việt Nam. Tuy nhiên, anh Đ vẫn vắng mặt không có lý do.

Theo cung cấp của UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định: Chị Đặng Thị N và anh Phạm Hải Đ đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện V, tỉnh Thanh Hóa vào năm 2006. Sau khi kết hôn, anh Đ và gia đình ĐKHKT, sinh sống tại xóm Đ, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định. Quá trình chung sống, giữa vợ chồng chị N có phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân với nhau. Vợ chồng anh Đ có 04 con chung gồm: Phạm Đăng Bảo N, sinh ngày 17/4/2006; Phạm Đăng Bảo T, sinh ngày 10/8/2011; Phạm Đăng Bảo C, sinh ngày 30/3/2016 và Phạm Đăng K, sinh ngày 10/6/2018, hiện nay các con đều ở với chị N. Về tài sản, công nợ của vợ chồng chị N thì chính quyền địa phương không rõ vì đương sự không trình báo về vấn đề này.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi mở phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đầy đủ, đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Đặng Thị N vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt chị N theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Phạm Hải Đ vắng mặt tại nơi cư trú đã được Tòa án ra Quyết định thông báo tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú trên các phương tiện thông tin đại chúng. Tuy nhiên anh Đ không có mặt, không có văn bản thể hiện quan điểm của mình, vắng mặt tại phiên tòa, vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại các Điều 70, 72 BLTTDS. Đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt anh Đ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình: Xử cho ly hôn giữa chị Đặng Thị N và anh Phạm Hải Đ. Về con chung: Giao

04 con chung gồm: Phạm Đăng Bảo N, sinh ngày 17/4/2006; Phạm Đăng Bảo T, sinh ngày 10/8/2011; Phạm Đăng Bảo C, sinh ngày 30/3/2016 và Phạm Đăng K, sinh ngày 10/6/2018 cho chị N nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng tiền nuôi con. Về tài sản, công nợ: Không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Chị N phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1. Chị Đặng Thị N vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt vì vậy việc Tòa án xét xử vắng mặt chị N là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án thực hiện việc tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, đồng thời ra Quyết định thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với anh Phạm Hải Đ trên các phương tiện thông tin đại chúng. Hết thời hạn Tòa án ấn định, anh Đ không có mặt, không có văn bản thể hiện quan điểm của mình và vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt anh Đ là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung

2.1. Về tình cảm: Chị Đặng Thị N đăng ký kết hôn với anh Phạm Hải Đ vào ngày 07/4/2006 tại UBND xã V, huyện V, tỉnh Thanh Hóa, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới, vợ chồng chị N chung sống hạnh phúc một thời gian, sau đó phát sinh mâu thuẫn do tính cách, quan điểm sống khác nhau, anh Đ không tu chí làm ăn, không chăm lo đến gia đình và còn sa vào con đường cờ bạc. Hai bên gia đình đã hòa giải nhưng không thành, do mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2019. Xét thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng chị N đã phát sinh từ lâu, mâu thuẫn đã căng thẳng, trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó yêu cầu xin ly hôn của chị N là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật nên được HĐXX chấp nhận.

2.2. Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung gồm: Phạm Đăng Bảo N, sinh ngày 17/4/2006; Phạm Đăng Bảo T, sinh ngày 10/8/2011; Phạm Đăng Bảo C, sinh ngày 30/3/2016 và Phạm Đăng K, sinh ngày 10/6/2018. Để ổn định việc nuôi dưỡng, chăm sóc, học tập của con chung, HĐXX xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị N về việc giao 04 con chung cho chị N nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế, với yêu cầu của các con và với quy định của pháp luật.

Việc chị N không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng tiền nuôi con chung là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được HĐXX chấp nhận.

2.3. Về tài sản, công nợ: Không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị N nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Xử cho ly hôn giữa chị Đặng Thị N và anh Phạm Hải Đ.

2. Về con chung: Giao cho chị Đặng Thị N trực tiếp nuôi dưỡng 04 con chung gồm: Phạm Đặng Bảo N, sinh ngày 17/4/2006; Phạm Đặng Bảo T, sinh ngày 10/8/2011; Phạm Đặng Bảo C, sinh ngày 30/3/2016 và Phạm Đăng K, sinh ngày 10/6/2018 (*hiện nay các con chung đang ở với chị N*). Chấp nhận sự tự nguyện của chị N về việc không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Bên không nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn.

3. Án phí: Chị Đặng Thị N nộp 300.000 đồng. Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị N đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001964 ngày 27/4/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định. Chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Chị Đặng Thị N và anh Phạm Hải Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Trục Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trục Ninh;
- UBND xã T;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Bùi Văn Dũng